TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 126/2017/HNGĐ - PT Ngày: 10/11/2017 V/v: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán: Lê Sơn Hà

Trần Thị Liên Anh

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Quản Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội***: Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày10 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2017/TLPT - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/HNGĐ-ST, ngày 16/6/2017 của Toà án nhân dân quận Cầu Giấy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/207/QĐXX-PT ngày 06 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sư:

Nguyên đơn:

Chị Phạm Thị N, sinh năm 1979

HKTT: P808 khu đô thị mới TV, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Hiện cư trú tại: Số căn hộ A6 - tầng 6, toà nhà C4 XĐ, phường XĐ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn:

Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1972

HKTT: P808 khu đô thị mới TV, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Nơi cư trú: Số nhà 27, đường X, Tổ 3 (Tổ 31 cũ), phường TH, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Chị N và anh Nguyễn Xuân T tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/11/2005 tại Uỷ ban nhân dân xã TC, thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ tháng 6/2012 do không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm, lối sống, cách suy nghĩ khác nhau nên không thống nhất được với nhau trong mọi công việc của vợ chồng. Vợ chồng không tôn trọng nhau nên không tìm được biện pháp để khắc phục mâu thuẫn. Cuộc sống chung vợ chồng không hoà thuận, không hạnh phúc. Hai bên đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, sau khi được hòa giải đã rút đơn quay về chung sống nhưng quan hệ vợ chồng không được cải thiện. Tháng 8/2015 do vợ chồng mâu thuẫn, chị N ra ngoài thuê nhà ở tại B10C Nam Trung Yên, sau đó chuyển đến chung cư C4 XĐ thuê nhà ở đến nay. Chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, hai bên đã ly thân và không thể tiếp tục chung sống nên tháng 5/2016 chị N gửi đơn đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh Nguyễn Xuân T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H sinh ngày 27/8/2009. Chị N đề nghị nuôi dưỡng cháu H sau ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Theo chị N cháu H là con gái, còn nhỏ nên mẹ chăm sóc trong sinh hoạt, nuôi dưỡng cháu thuận tiện hơn. Khi nào cháu lớn tuổi hơn khoảng 14, 15 tuổi thì chị Ngân đồng ý để cho anh Trường đón cháu về nuôi. Chị N xin cho cháu H vào học từ lớp 1 ở trường tiểu học Thành Công A năm 2015 - 2016, đóng tiền học cho cháu và đưa đón cháu đi học hàng ngày. Từ thời điểm chị N ra ngoài ở riêng đến nay, chị và anh T thỏa thuận mỗi người đón cháu H về nuôi một tuần. Trước đây chị N làm nghề xuất khẩu lao động, kinh doanh đa cấp nên thường xuyên phải đi xa vắng nhà nhưng hiện nay chị là Giám đốc Công ty cổ phần thu nhập 11.500.000 đồng/tháng, có chỗ ở , không phải đi công tác làm việc xa nên có nhiều thời gian để chăm sóc cho con. Ngoài ra còn có bà ngoại thỉnh thoảng vẫn ở cùng chị N nên hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dạy cháu.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị Phạm Thị N trình bày là đúng. Vợ chồng mâu thuẫn từ lâu, không còn

tình cảm với nhau, đã ly thân, không còn khả năng đoàn tụ nên anh Trường đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Phạm Thị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 27/8/2009. Anh T đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Quỳnh H và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Vì anh T có thời gian và điều kiện tốt hơn chị N. Chị N thường xuyên đi công tác xa nên không đảm bảo được thời gian để chăm sóc, dạy dỗ cháu. Anh T làm công việc hành chính nên có nhiều thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Chỗ ở ổn định, gần trường học của cháu H nên thuận tiện cho việc đưa đón con đi học. Anh T hiện công tác tại Ban quản lý dự án thuộc Tổng công ty nhà, lương thu nhập 10.000.000 đồng/ tháng. Năm học 2016-2017 của cháu H thì chị N chỉ đóng học phí cho con được 02 tháng (tháng 9 và tháng 11) còn lại do anh T đóng. Từ khi chị N có đơn xin ly hôn đến Tòa án thì cháu H chủ yếu là ở với anh T có khi ở nửa tháng hoặc cả tháng do chị N bận công việc và do anh T đưa đón cháu đi học.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Bồng Svà bà Đỗ Thị T**,** là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Khoảng năm 2011 (không nhớ cụ thể thời gian), chị N có gọi điện về hỏi vay ông S 50 triệu đồng để làm ăn. Ông S đồng ý và đưa cho chị N vay 50 triệu đồng làm 02 lần, lần đầu vào khoảng đầu năm 2011 cho chị N vay 10 triệu đồng, lần thứ hai vào khoảng tháng 11/2011 cho chị N vay 40 triệu đồng nữa, cả hai lần chị N về vay tiền thì chỉ có ông S, bà T, chị N không viết giấy vay nợ vì là con trong nhà. Số tiền 50 triệu đồng cho chị N vay là tiền tiết kiệm của ông S, bà T và không nói gì với anh T, anh T cũng không hỏi gì. Số tiền 50 triệu đồng cho chị N vay là tiền tiết kiệm của tôi. Thời điểm cho chị N vay tiền thì vợ chồng chị N, anh T vẫn chung sống bình thường. Đến năm 2014 do thấy chị N chưa trả tiền nên ông S có đòi chị N, đến năm 2015 khi vợ chồng N, T xảy ra mâu thuẫn thì ông S mới nói với T. Đến 28 Tết âm lịch năm 2015 chị N có trả ông S 20 triệu đồng, không viết giấy tờ còn lại 30 triệu đồng đến nay chưa trả. Ngày 28/8/2016 chị N về đón con ở quê và có viết giấy nhận nợ số tiền 30 triệu đồng. Ông S và bà T sẽ tự thỏa thuận với anh T, chị N về số tiền

còn nợ 30 triệu đồng, không yêu cầu giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt do tuổi cao sức yếu, nhà ở xa .

Cháu Nguyễn Quỳnh H là con của anh T, chị N trình bày: Cháu có nguyện vọng ở với bố.

Trường tiểu học Thành Công A nơi cháu H (con anh T chị N) học tập cung cấp: Chị Phạm Thị N xin cho cháu Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 27/8/2009 vào trường học từ năm lớp 01 đến nay học lớp 02 A1. Kết quả học tập, sức khỏe tốt. Năm học 2016 -2017 anh T đóng học cho cháu 06 tháng, chị N đóng học 03 tháng. Anh T thường xuyên đưa đón cháu đi học và liên lạc với giáo viên chủ nhiệm về tình hình học tập của cháu.

Tổ dân phố, Ủy ban nhân dân phường và Công an phường TH cung cấp: Anh Nguyễn Xuân T và con là cháu Nguyễn Quỳnh H hiện ở cùng tại địa chỉ số nhà 27, đường X, Tổ 3 (Tổ 31 cũ), phường TH, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Tổ dân phố, Ban quản lý chung cư XĐ, quận Bắc Từ Liêm cung cấp: Chị Phạm Thị N thuê và đang ở tại căn hộ A6 - tầng 6, tòa nhà C4 XĐ, phường XĐ, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Chị Nguyễn Hải Y (người cho chị N thuê nhà) cung cấp: Chị Y có ký hợp đồng cho chị Phạm Thị N thuê lại căn hộ A6 - tầng 6, tòa nhà C4 XĐ để ở từ 01/4/2016 đến 01/4/2018 với giá 05 triệu đồng/tháng. Hết thời hạn thuê, nếu chị N có nhu cầu thì sẽ ký lại hợp đồng.

Tại bản án 16/2017/HNGĐ-ST, ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị N. Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Xuân T có 01 con chung tên Nguyễn Quỳnh H sinh ngày 27/8/2009. Giao cháu Nguyễn Quỳnh H cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Ngân cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị N có quyền thăm nom, gặp gỡ con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung ; Vay nợ chung : Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Xuân T cùng không yêu cầu giải quyết . Ông Nguyễn Bồng S và bà Đỗ Thị T không yêu cầu giải quyết về số tiền đã cho anh T, chị N vay nên Tòa không xét. Giành quyền giải quyết về tài sản, vay nợ bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu và có đơn khởi kiện.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm, **ngày 29 tháng 6 năm 2017**, chị Phạm Thị N có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H; xác định lại khoản nợ chung của vợ chồng vay ông Nguyễn Bồng S và bà Đỗ Thị T; xác định lại các vấn đề liên quan đến điều kiện sinh sống, làm việc, đạo đức, nhân cách của chị để trả lại nhân phẩm và danh dự cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn, anh Nguyễn Xuân T đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm.

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về Nội dung: Sau khi phân tích, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Phạm Thị N có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định là hợp lệ.

Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của chị Phạm Thị N, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

1. Về hôn nhân

Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xác định là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trước đó hai bên đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, sau khi được hòa giải đã rút đơn quay về chung sống nhưng quan hệ vợ chồng không được cải thiện. Tháng 8/2015 anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, chị N xin ly hôn, anh T cũng đồng ý và đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng sống chung thủy, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt, nhưng hôn nhân của anh T và chị N không đạt được mục đích đó. Việc anh chị sống ly thân kéo dài càng làm cho tình cảm vợ chồng bị xa cách, không có khả năng đoàn tụ, nay chị N có yêu cầu và anh Trường cũng đồng ý ly hôn. Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định cho anh chị ly hôn là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về nuôi con chung

Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Xuân T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 27/8/2009. Khi ly hôn, chị N và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung.

Tại phiên tòa, chị N và anh T xác nhận điều kiện hiện nay, cả anh T và chị N đều đang đi thuê nhà, thu nhập của anh chị mỗi người 10 triệu đồng/tháng, anh chị thỏa thuận mỗi người đón con về nuôi dưỡng, chăm sóc một tuần. Anh T cho rằng chị N hiện nay đang vay nợ, vi phạm tư cách làm vợ, làm mẹ nên không đủ tư cách nuôi con. Tuy nhiên anh T không cung cấp được chứng cứ hợp pháp chứng minh về việc chị Ngân vay nợ cũng như vi phạm về tư cách đạo đức làm mẹ.

Tại phiên tòa chị N trình bày, khi vợ chồng sống ly thân, chị đã đưa cháu H đi cùng, sau một năm cháu H ở với chị thì anh T và chị N mới thỏa thuận mỗi người đón con về nuôi dưỡng, chăm sóc một tuần. Việc anh T nộp tiền học cho con 06 tháng, chị nộp 03 tháng không phải là căn cứ chứng minh anh T có khả năng nuôi con tốt hơn chị. Hiện nay anh T đang sống với một người phụ nữ khác và mới sinh con chung,

cùng với lời trình bày chị N xuất trình văn bản có xác nhận ngày 09/11/2017 của Công an phường ĐK, quận Hoàng Mai, Hà Nội thể hiện: "Anh Nguyễn Xuân T cùng chị Nguyễn Thị Thu H, cháu Nguyễn Quỳnh H và cháu Vũ Hà A hiện đang cư trú tại phòng A nhà ở xã hội ĐK, Hoàng Mai, Hà Nội" . Chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cháu Nguyễn Quỳnh H cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì anh T đã có gia đình mới, hơn nữa chị đang điều trị bệnh và bác sĩ cho biết chị khó có khả năng tiếp tục sinh con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Toà án cấp sơ thẩm cháu H có nguyện vọng được ở với bố, lên cấp phúc thẩm cháu H lại có đơn thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ. Việc không thống nhất về nguyện vọng của cháu H là biểu hiện tâm lý của trẻ chưa thành niên, con trẻ được gần gũi với cả bố và mẹ để được yêu thương và chăm sóc luôn mong muốn. Việc lấy ý kiến của cháu H là cần thiết, nhưng đây không phải là căn cứ duy nhất để giải quyết việc giao con cho người nuôi con chung.

Xét thấy, chị N và anh T đều đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên cháu Nguyễn Quỳnh H là con gái, cháu cũng đang dần đến tuổi trưởng thành, về tâm sinh lý cháu H cần có sự chăm sóc của người mẹ hơn, được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sẽ giúp cho cháu phát triển một cách toàn diện. Do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, sửa án sơ thẩm và giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị N thể hiện quan điểm, nếu được trực tiếp nuôi con chị yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Quan điểm của anh T, nếu giao con cho chị N nuôi dưỡng anh sẽ đóng góp 02 triệu đồng/tháng. Trường hợp anh T được giao trực tiếp nuôi con chung thì anh không yêu cầu chị N phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung 02 triệu đồng/tháng khi chị N được giao trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tại Toà án cấp sơ thẩm, anh T và chị N đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm anh T nộp bản Hợp đồng thế chấp tài sản của anh T và chị N là 01 chiếc xe ô tô Kia Forte biển số đăng ký 30A - 492.01 đứng tên chị Phạm Thị N để vay 200.000.000đồng của Ngân

hàng TMCP phát triển nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long (MHB) nay đã sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam (BIDV).

Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh và Ngân hàng BIDV chi nhánh Gia Lâm đã có văn bản thể hiện quan điểm, yêu cầu anh T, chị N phải thanh toán toàn bộ số dư nợ (hiện còn 39.723.722đồng, trong đó có 38.000.000đồng nợ gốc và 1.723.722đồng tiền lãi) trước khi giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, trường hợp anh T, chị N không thanh toán đề nghị đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên sau khi xem xét Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp do Ngân hàng BIDV cung cấp thể hiện đến tháng 01 năm 2018 mới hết thời hạn anh T, chị N phải trả nợ cho Ngân hàng, hiện anh T và chị N vẫn đang thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Tại phiên toà, chị N xác định đây là khoản nợ riêng của chị và chị có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, chị không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả nợ. Tại cấp sơ thẩm anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, vay nợ của vợ chồng nên Toà án cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét giải quyết về tài sản và nghĩa vụ vay, nợ chung của anh T, chị N.

Đối với ông Nguyễn Bồng S và bà Đỗ Thị T không yêu cầu giải quyết về số tiền đã cho anh T, chị N vay nên Tòa không xem xét.

Toà án cấp sơ thẩm giành quyền giải quyết về tài sản, vay nợ của chị N, anh T bằng một vụ án khác khi có yêu cầu là hoàn toàn có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên chị Ngân không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTV QH12 ngày 27/2/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa bản án sơ thẩm số 16/2017/HNGĐ-ST, ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Phần tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Xuân T

2. Về nuôi con chung: Xác nhận chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Xuân T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh H sinh ngày 27/8/2009. Khi ly hôn giao cháu Nguyễn Quỳnh H cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Xuân T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị N 02 triệu đồng/tháng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Xuân T không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung nên Toà không xem xét. Giành quyền giải quyết về tài sản, vay nợ chung bằng một vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 200.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 3786 ngày 26/5/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Chị Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho chị N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm chị N đã nộp theo biên lai thu số 5103 ngày 04/7/2017 tại chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;.
- Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- UBND xã TC, thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc (theo Điều 57 Luật HNGĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Thu Nam

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;.
- Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- UBND xã Tiền Châu, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (theo Điều 57 Luật HNGĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Thu Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA